

Báo cáo thuyết minh

Về nội dung liên quan đến Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Ngày 11 tháng 7 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2013/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2013. Bộ Tài chính dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy định của Nghị định này như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Thông tư:

1. Căn cứ pháp lý :

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan;

2. Thực tiễn:

Sau ngày 01/7/2010, khi Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003 hết hiệu lực thi hành, các Nghị định của Chính phủ về quản lý tài chính đối với công ty nhà nước cũng hết hiệu lực thi hành. Đến nay Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2013/NĐ-CP bao gồm nội dung quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu.

So với các Nghị định trước đây, ngoài nội dung quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu, Nghị định này có thêm nội dung quy định về việc đầu tư vốn và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Phạm vi quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ là quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con. Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khi đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp thì vốn đầu tư đó là vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp (không coi là vốn nhà nước đầu tư như trước đây).

Một số nội dung quản lý trong Nghị định mang tính nguyên tắc, nên cần phải được cụ thể hóa cho phù hợp với thực tế hoạt động, đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp như: vấn đề về vốn điều lệ; hoạt động đầu tư ra ngoài; chuyển nhượng vốn đầu tư của nhà nước, vốn đầu tư của doanh nghiệp; việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các Quỹ ...

Từ những vấn đề nêu trên, cần thiết phải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhằm cụ thể hóa nội dung của Nghị định để doanh nghiệp, các tổ chức, cơ quan có liên quan thực hiện.

II. Kết cấu và nội dung tóm tắt của dự thảo Thông tư:

Phần I: Những quy định chung gồm có 03 Điều, quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ được hiểu theo Thông tư này.

Phần II: Những quy định cụ thể gồm có 19 Điều, chia thành 03 chương.

1. Chương I: Đầu tư vốn và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, kết cấu, nội dung như sau:

a) Mục 1: có 01 Điều, nêu quy định và hướng dẫn về việc thực hiện Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

b) Mục 2: gồm 03 Điều hướng dẫn thực hiện quản lý vốn nhà nước đầu tư vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (gọi chung là doanh nghiệp khác), do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ sở hữu vốn.

Nội dung bao gồm phương thức quản lý của chủ sở hữu vốn thông qua người đại diện; thực hiện quản lý vốn của người đại diện; và căn cứ khi thực hiện tăng giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

b) Mục 3: có 01 Điều, nội dung chủ yếu hướng dẫn phương thức và tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước đã đầu tư vào các doanh nghiệp khác (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài) do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ sở hữu vốn nhà nước.

2. Chương II: Quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Kết cấu, nội dung như sau:

a) Mục 1: gồm 04 Điều, hướng dẫn quản lý vốn của doanh nghiệp

Nội dung bao gồm: Xác định mức vốn điều lệ; Huy động vốn của doanh nghiệp; Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; Bảo toàn vốn tại doanh nghiệp.

b) Mục 2: gồm 04 Điều, hướng dẫn quản lý và sử dụng tài sản của doanh nghiệp

Nội dung chủ yếu hướng dẫn thực hiện thanh lý tài sản cố định, thực hiện trích lập dự phòng hàng hóa, nợ phải thu của doanh nghiệp.

c) Mục 3: gồm 03 Điều, hướng dẫn quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung chủ yếu hướng dẫn việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp.

d) Mục 4: gồm 02 Điều, hướng dẫn kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán và báo cáo của doanh nghiệp

Nội dung bao gồm: hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch tài chính, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định và chế độ báo cáo đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu và cơ quan quản lý chức năng nhà nước.

3. Chương III: Tổ chức thực hiện

Chương này có 01 Điều, nội dung bao gồm quy định hiệu lực thi hành của Thông tư, thay thế Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 5/8/2010 của Bộ Tài chính và quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này.

III. Một số nội dung trong dự thảo Thông tư xin lưu ý tham gia kỹ như sau:

1. Về vốn điều lệ:

- Việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp đang hoạt động theo cơ chế tài chính trước đây (Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 5/8/2010 của Bộ Tài chính) quy định: Căn cứ nhu cầu vốn phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, quy mô, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt công ty xây dựng phương án tăng vốn điều lệ trình chủ sở hữu phê duyệt theo công thức:

$$V_{\text{đi điều chỉnh tăng thêm}} = V_{\text{đi được duyệt}} + 30\% \text{ tổng mức vốn đầu tư các dự án đầu tư thuộc ngành nghề kinh doanh chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trong năm báo cáo}$$

Tuy nhiên, theo công thức trên thì việc xác định vốn điều lệ bổ sung tăng thêm của doanh nghiệp chỉ tính nhu cầu vốn đối với các dự án đầu tư thực hiện trong năm báo cáo, do đó các doanh nghiệp không có dự án đầu tư thực hiện trong năm báo cáo và các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực thương mại (không có dự án đầu tư) thì không được điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ. Như vậy sẽ không phù hợp với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành, lĩnh vực thương mại, dịch vụ... hoạt động luân chuyển hàng hóa là chủ yếu.

Vì vậy, dự thảo Thông tư lần này đưa ra phương pháp xác định vốn điều lệ như sau:

Công thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh lại của doanh nghiệp đang hoạt động:

$$V_{\text{đi điều chỉnh lại}} = V_{\text{đi đã duyệt}} + \frac{30\% \text{ tổng mức vốn các dự án đầu tư hình thành tài sản phục vụ ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp}}{100} + V_{\text{hhlc}}$$

Trong đó:

- $V_{\text{đi đã duyệt}}$ là mức vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi điều chỉnh.

- Về áp dụng tỷ lệ 30% / Tổng mức vốn các dự án đầu tư để làm căn cứ điều chỉnh lại vốn điều lệ:

Theo quy định của pháp luật thì vốn điều lệ là số vốn do Chủ sở hữu cam kết góp khi thành lập doanh nghiệp, được ghi vào điều lệ doanh nghiệp và đăng ký doanh nghiệp. Việc góp vốn điều lệ (bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp) là nghĩa vụ trách nhiệm vật chất của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp, nhằm đảm bảo vốn hoạt động của doanh nghiệp phù hợp với quy mô ngành nghề sản xuất kinh doanh; Đồng thời đảm bảo điều kiện vật chất để doanh nghiệp thực hiện các hợp đồng huy động vốn và khả năng thanh toán các khoản vốn huy động của doanh nghiệp.

Do đó, việc áp dụng tỷ lệ trong công thức xác định vốn điều lệ là 30% trên tổng mức các dự án đầu tư của doanh nghiệp là phù hợp với ý nghĩa của vốn điều lệ nêu trên; đồng thời phù hợp với tỷ lệ đầu tư vốn điều lệ khi thành lập mới doanh nghiệp tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, cũng như tỷ lệ này đang thực hiện để huy động vốn đầu tư dự án kết cấu hạ tầng quy định trong Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

Mặt khác, tỷ lệ 30% nêu trên trước đây đã quy định tại Thông tư số 117/2010/TT-BTC và các Thông tư trước đó. Trong quá trình thực hiện về cơ bản đều không có vướng mắc và thuận lợi trong phương pháp xác định của các doanh nghiệp.

- Tổng mức vốn các dự án đầu tư để xác định tăng mức vốn điều lệ của doanh nghiệp là: Các dự án đầu tư hình thành tài sản phục vụ ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về hoạt động xây dựng và pháp luật khác có liên quan đã được khởi công xây dựng, hoặc chuẩn bị khởi công xây dựng.

+ Đối với dự án đầu tư đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào xác định vốn điều lệ của lần điều chỉnh trước thì được đưa vào xác định điều chỉnh vốn điều lệ phê duyệt.

+ Đối với dự án đầu tư đang thực hiện căn cứ vào dự toán công trình đầu tư xây dựng được phê duyệt của cấp có thẩm quyền (bao gồm cả dự toán công trình được điều chỉnh tăng).

+ Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình (do cơ quan, đơn vị khác làm chủ đầu tư) bàn giao cho doanh nghiệp quản lý, khai thác, sử dụng thì toàn bộ vốn nhà nước đã đầu tư của dự án theo quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt được tính vào mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng.

+ Trường hợp đối với doanh nghiệp có các phương án đầu tư ra ngoài đã được phê duyệt, căn cứ tỷ lệ góp vốn của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết để tính vào tổng mức vốn đầu tư các dự án khi xác định mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- V_{hhlc} là mức vốn điều lệ tăng thêm đảm bảo cho hoạt động luân chuyển hàng hóa dịch vụ của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh luân chuyển hàng hóa dịch vụ là chủ yếu thuộc ngành, lĩnh vực thương mại, dịch vụ ngoài việc xác định nhu cầu vốn điều lệ theo các dự án đầu tư (nếu có) thì được xác định mức vốn điều lệ đảm bảo hoạt động luân chuyển hàng hóa, dịch vụ.

Phương pháp xác định như sau:

$$V_{hhlc} = 30\% \times \text{Mức chênh lệch tăng giữa tổng giá trị luân chuyển hàng hóa dịch vụ năm thứ 3 kể từ năm xác định lại mức vốn điều lệ so với tổng giá trị luân chuyển hàng hóa, dịch vụ thực hiện của năm trước năm xác định vốn điều lệ.}$$

2. Về huy động vốn của doanh nghiệp

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, dự thảo Thông tư quy định và hướng dẫn rõ quyền bảo lãnh của doanh nghiệp, cụ thể:

Doanh nghiệp được quyền bảo lãnh cho các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc do doanh nghiệp sở hữu 100% vốn điều lệ vay vốn tại Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Trong đó:

Doanh nghiệp có thể bảo lãnh cho từng khoản vay của công ty con không vượt quá tỷ lệ (%) vốn góp của doanh nghiệp theo vốn điều lệ của công ty con nhưng mức bảo lãnh của doanh nghiệp không vượt quá tổng số vốn doanh nghiệp đã thực góp tại công ty con. Đồng thời, tổng mức bảo lãnh đối với các công ty con không vượt quá vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và trong phạm vi hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đã quy định tại khoản 3, Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

Đồng thời quy định cách xác định vốn thực góp của doanh nghiệp tại công ty con để làm căn cứ bảo lãnh.

Ngoài ra, dự thảo Thông tư cũng quy định các Hợp đồng bảo lãnh vay vốn của doanh nghiệp đối với các công ty con đang thực hiện theo quy định tại

Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính thì vẫn tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn của Hợp đồng bảo lãnh đã ký của doanh nghiệp.

3. Về hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Trong hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, một vấn đề đặt ra cần quy định trong thông tư này để quản lý chặt chẽ lợi ích từ hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, trong đó là việc quản lý số cổ phần nhận được từ các công ty cổ phần có vốn đầu tư của doanh nghiệp nhưng không phải thanh toán tiền do các công ty cổ phần phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ các nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Theo quy định hiện hành (Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp) thì trường hợp doanh nghiệp nhận cổ phiếu do công ty cổ phần phát hành thêm mà không phải trả tiền (kể cả việc chia cổ tức bằng cổ phiếu), doanh nghiệp chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Tuy nhiên, tại Điều 35 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 đã quy định doanh thu của doanh nghiệp bao gồm cả cổ tức được chia bằng cổ phiếu tại các công ty cổ phần.

Do vậy, để phù với quy định Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, đồng thời để đảm bảo nguyên tắc quản lý tài sản của doanh nghiệp, dự thảo Thông tư đã quy định việc quản lý, hạch toán cổ phiếu doanh nghiệp được nhận từ các công ty cổ phần có vốn đầu tư của doanh nghiệp như sau:

- Đối với cổ phiếu được chia thay bằng trả cổ tức, doanh nghiệp hạch toán tăng doanh thu hoạt động tài chính đồng thời tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần của doanh nghiệp tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

- Đối với cổ phiếu nhận được không phải thanh toán còn lại (cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức), doanh nghiệp căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được và mệnh giá cổ phiếu để ghi tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu và tăng giá trị khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.